

Số:/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình trong hoạt động xây dựng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng áp dụng đối với các dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) trong hoạt động xây dựng theo Lộ trình.

Điều 2. Mục đích, yêu cầu áp dụng Mô hình thông tin công trình BIM

1. Việc áp dụng BIM trong quá trình thiết kế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm thiết kế; tăng cường quá trình trao đổi thông tin giữa cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, chủ đầu tư, nhà thầu xây dựng; trong quá trình thi công xây dựng nhằm hỗ trợ xây dựng phương án tổ chức thi công, tổ chức và quản lý các nguồn lực trong quá trình xây dựng, kiểm soát chất lượng xây dựng; trong quá trình nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng nhằm hỗ trợ quá trình nghiệm thu, quản lý, vận hành công trình xây dựng.

2. Đối với các cơ quan quản lý nhà nước, việc sử dụng mô hình BIM như là công cụ để hỗ trợ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước (*thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng; cấp phép xây dựng; quản lý xây dựng; kiểm tra công tác nghiệm thu...*).

3. Khi áp dụng mô hình BIM, mô hình BIM cần phải đáp ứng một số yêu cầu tối thiểu sau: thể hiện được kiến trúc công trình, các kích thước chủ yếu; hình dạng không gian ba chiều các kết cấu chính của công trình; hệ thống đường ống điều hòa, thông gió, cấp thoát nước công trình. Một số bản vẽ các bộ phận chi tiết ở dạng không gian hai chiều nhằm bổ sung thông tin (nếu có) phải ở định dạng số khi nộp kèm theo Mô hình BIM. Các bản vẽ, khối lượng chủ yếu của các bộ phận công trình phải trích xuất được từ Mô hình BIM.

Điều 3. Lộ trình áp dụng Mô hình thông tin công trình (BIM)

1. Giai đoạn 1: từ năm 2023, áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp I, cấp đặc biệt của dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án.

2. Giai đoạn 2: từ năm 2025, áp dụng BIM bắt buộc đối với các công trình cấp II trở lên của dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công và đầu tư theo phương thức đối tác công tư bắt đầu thực hiện các công việc chuẩn bị dự án và tổ chức triển khai thực hiện dự án.

3. Đối với các công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác, Chủ đầu tư nộp mô hình BIM khi thực hiện thẩm định dự án, thiết kế cơ sở, thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, xin cấp phép xây dựng, đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo lộ trình sau: công trình cấp I, cấp đặc biệt từ năm 2024; từ năm 2026, bổ sung thêm công trình cấp II.

4. Nội dung áp dụng và mức độ chi tiết của mô hình BIM do chủ đầu tư dự án quyết định.

5. Từ năm 2024, cơ quan quản lý nhà nước sử dụng mô hình BIM như là công cụ để hỗ trợ trong quá trình thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, cấp phép

xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu, quản lý trật tự xây dựng đối với các dự án, công trình áp dụng BIM có yêu cầu được cơ quan quản lý nhà nước thẩm định dự án, thiết kế xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tổ chức theo dõi, tổng kết, đánh giá quá trình áp dụng Mô hình thông tin công trình trong hoạt động xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cập nhật, điều chỉnh Lộ trình áp dụng BIM cho phù hợp với thực tiễn và yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tiếp tục rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách trong đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng, bảo trì công trình xây dựng, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật phù hợp cho việc áp dụng BIM; ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền có liên quan đến hướng dẫn áp dụng BIM trong hoạt động xây dựng và quản lý vận hành công trình;

c) Tổ chức, huy động các nguồn lực để nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng các công nghệ trên nền tảng BIM nhằm xây dựng, hoàn thiện các hướng dẫn, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và nâng cao hiệu quả áp dụng BIM.

d) Chủ trì xây dựng, thống nhất quản lý cơ sở dữ liệu số về mô hình BIM đảm bảo tính đồng bộ, liên thông từ trung ương đến địa phương; hướng dẫn các Bộ quản lý công trình chuyên ngành, cơ quan chuyên môn về xây dựng cấp tỉnh, chủ đầu tư các nội dung liên quan đến yêu cầu về mô hình BIM, giao nộp và quản lý dữ liệu mô hình BIM. Cơ sở dữ liệu về mô hình BIM là một bộ phận của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo Luật Xây dựng.

đ) Tổ chức thông tin, tuyên truyền để nâng cao nhận thức về BIM trong xã hội.

2. Các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng trong việc triển khai thực hiện lộ trình áp dụng BIM thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực, địa phương; ban hành theo thẩm quyền các cơ chế chính sách khuyến khích ứng dụng BIM trong đầu tư

xây dựng thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý; xây dựng hướng dẫn về BIM trong lĩnh vực xây dựng chuyên ngành;

b) Chỉ đạo các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, các đơn vị trực thuộc có liên quan chuẩn bị các nguồn lực cần thiết cho việc áp dụng BIM theo lộ trình quy định;

c) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn về xây dựng tổ chức tiếp nhận, quản lý dữ liệu Mô hình BIM do chủ đầu tư các dự án có áp dụng BIM giao nộp và tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng 01 năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2b).

Phạm Minh Chính